

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2017/HSST

Ngày: 26/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH L
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng A Kỷ.
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lực. Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu 21, thị trấn T, huyện T, tỉnh L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: **31/2017/HSST** ngày 29 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ tên gọi khác **Nguyễn Anh Đ** – Sinh năm: 1966

Tại xã Giao Tiến, huyện G, tỉnh N.

ĐKHKT: Khu 26, thị trấn T, huyện T, tỉnh L; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/10; Con ông: Nguyễn Chí Ng; Con bà: Vũ Thị Th (cả hai đều đã chết); Bị cáo có vợ là Vũ Thị Đ- sinh năm 1965 Hưu trí và có 02 con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/6/2017, tạm giam từ ngày 23/6/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người có QLNVLQ: Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 26, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- a) Về hành vi phạm tội của bị cáo

Ngày 08/6/2017, tại xã M, huyện V, tỉnh L. Nguyễn Văn Đ mua của một người đàn ông dân tộc Mông không rõ lai lịch 01 gói thuốc phiện với giá 2.500.000 đồng, sau đó mang về nhà cất giấu sử dụng dần không cho ai biết.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/6/2017, Đ đang ở nhà tại khu 26 thị trấn T, huyện T thì có Hoàng Văn S, sinh năm 1964 trú tại Khu 2, thị trấn T, huyện T và một người phụ nữ dân tộc Mông, Đ không biết lai lịch người này đến nhà chơi. Trong lúc nói chuyện người phụ nữ muốn bán thuốc phiện cho Đ, qua trao đổi Đ đồng ý mua hai lạng với giá 12.600.000 đồng rồi trao đổi số điện thoại để liên lạc. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày thì người phụ nữ dân tộc Mông gọi điện thoại cho Đ nói đi lên đồi chè thuộc khu 26 thị trấn T để trao đổi mua bán thuốc phiện, Đ đồng ý. Đến điểm hẹn, Đ mua của người phụ nữ này 02 gói thuốc phiện với giá 12.600.000 đồng như đã thỏa thuận, mua được thuốc phiện Đ điều khiển xe mô tô đi về đến đường Quốc lộ 32 thì bị Công an huyện T bắt quả tang thu giữ 02 gói thuốc phiện có tổng trọng lượng 178,95 gam. Ngoài ra còn thu giữ của Đ 01 xe mô tô YAMAHA biển kiểm soát 25B1: 31196 màu sơn xanh – bạc xe đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động NOKIA – 1202 vỏ màu xanh đã qua sử dụng.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT - Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Đ thu giữ 02 gói thuốc phiện có tổng trọng lượng là 35,16 gam; 01 bộ bàn đèn; 01 cân tiểu ly. Nguyễn Văn Đ khai nhận 02 gói thuốc phiện trên là số Thuốc phiện Đ mua ở xã M, huyện V, tỉnh L nhưng chưa sử dụng hết.

b) Về các vấn đề khác của vụ án

Công an huyện T đã trích gửi giám định. Tại bản kết luận giám định số 268 ngày 03/07/2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Số chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ khi bắt quả tang của Nguyễn Văn Đ có tổng trọng lượng 178,95 gam. Số chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Văn Đ có tổng trọng lượng 35,16 gam.

Các mẫu vật thu giữ của Nguyễn Văn Đ gửi đến giám định đều là thuốc phiện.

Tại phiên Tòa người có QLNVLQ anh Nguyễn Văn Đ khai chiếc xe mô tô để ở nhà và khi bố mình là Nguyễn Văn Đ lấy xe đi thì không biết là mục đích đi mua thuốc phiện. Cơ quan Điều tra đã xác minh và ngày 30 tháng 6 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản là chiếc xe mô tô cho anh Nguyễn Văn Đ.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát

Tại bản cáo trạng số: 25/KSĐT-MT, ngày 29/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh L truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 30 đến 36 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người có QLNVLQ, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi tàng trữ 02 lần thuốc phiện, lần bị bắt quả tang tại Khu 26 thị trấn T là 02 gói thuốc phiện có tổng trọng lượng 178,95 gam và cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Đ và thu giữ tiếp 02 gói thuốc phiện có tổng trọng lượng 35,16gam. Mục đích mua về của Đ là để sử dụng cho bản thân vì bị cáo nghiện ma túy. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999:

“1. Người nào tàng trữ...trái phép...chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...

b) Phạm tội nhiều lần.

Xét tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội với 01 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt với tình tiết phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong thời gian trước khi bị bắt và trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực giúp đỡ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T điều tra khám phá một số vụ án về ma túy xảy ra trên địa bàn huyện góp phần giữ gìn an ninh trật tự chung và được cơ quan Công an huyện T có công văn số 09/CV ngày 28/8/2017 đề nghị Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện T xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 tội Tàng trữ trái phép chất ma túy có khung hình phạt nhẹ hơn khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, vậy cần áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội. Áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, q khoản 1, Điều 46. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật cho bị cáo. Tuy nhiên xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và nhân thân bị cáo nghiện ma túy vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tự cải tạo bản thân thành công dân tốt và cũng để đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm ruộng không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát huyện T truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là đúng người, đúng tội, đúng qui định của pháp luật.

Vật chứng còn lại là: 200,62 gam thuốc phiện được niêm phong theo quy định; 01 cân tiểu ly; 01 bộ bàn đèn và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA vỏ màu xanh đã qua sử dụng không còn giá trị. Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 cần tịch thu tiêu hủy.

Nguồn gốc thuốc phiện Nguyễn Văn Đ khai mua của những người không rõ nhân thân, lai lịch. Quá trình điều tra không xác định được nên không có căn cứ để điều tra xử lý. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Chấp nhận biên bảo trao trả tài sản ngày 30/6/2017 của Công an huyện Tân Uyên cho người nhận anh Nguyễn Văn Đ chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMHA BKS 25 B1- 311.96.

Đối với Hoàng Văn S- sinh năm 1964 địa chỉ: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh L đã chở người phụ nữ dân tộc Mông đến nhà Nguyễn Văn Đ để giao dịch mua bán thuốc phiện, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập nhưng S không có mặt tại địa phương, ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ nào khác chứng minh hành vi phạm tội của Hoàng Văn S. Do vậy chưa đủ căn cứ để điều tra xử lý là phù hợp. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** tên gọi khác **Nguyễn Anh Đ** phạm tội: **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

a) Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2017.

b) Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Tịch thu tiêu hủy 200,62 gam thuốc phiện; 01 điện thoại di động hiệu

NOKIA vỏ màu xanh; 01 cân tiểu ly và 01 bộ bàn đèn. (Số vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T ngày 07/9/2017).

c) Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

d) Quyền kháng cáo:

Án xử công khai có mặt bị cáo, người có QLNVLQ. Báo cho bị cáo, người có QLNVLQ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; (01)
- Sở tư pháp; (01)
- VKS huyện; (02)
- Công an, trại giam; (02)
- THA dân sự; THAHS; (02)
- Bị cáo; Người có QLNVLQ; (02)
- Lưu hồ sơ – TA. (01)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Bình